

B. ANSWER KEY

Question 1.

- pass /pɑ:s/ (v): vượt qua
- watch /wɒtʃ/ (v): xem
- play /pleɪ/ (v): chơi
- wash /wɒʃ/ (v): rửa

❖ **Quy tắc phát âm đuôi “ed”:**

- TH1: phát âm là /ɪd/: Khi động từ có tận cùng là phụ âm /t/ hoặc /d/

E.g: wanted / wɒntɪd /; needed / ni:ɪd /

- TH2: phát âm là /t/: Khi động từ tận cùng bằng phụ âm vô thanh /p/, /f/, /k/, /s/, /ʃ/, /tʃ/

E.g: stopped / stɒpt /; laughed / lɑ:ft /; cooked / kʊkt /; watched / wɒtʃt /

- TH3: phát âm là /d/: Khi động từ tận cùng là các nguyên âm và các phụ âm còn lại

E.g: played / pleɪd /; opened / əʊpənd /

⇒ **Đáp án C (“ed” được phát âm là /d/; các từ còn lại là /t/)**

Question 2.

- which /wɪtʃ/ (pronoun): cái nào, cái mà
- champion /ˈtʃæm.pi.ən/ (n): người vô địch, nhà quán quân
- chairman /ˈtʃeə.mən/ (n): chủ tịch
- headache /ˈhed.eɪk/ (n): chứng đau đầu

⇒ **Đáp án D (“ch” được phát âm là /k/; các từ còn lại là /tʃ/)**

Question 3.

- polite /pəˈlaɪt/ (adj): lịch sự
- student /ˈstju:.dənt/ (n): học sinh
- easy /ˈi:zi/ (adj): dễ dàng

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

- champion /'tʃæm.pi.ən/ (n): người vô địch, nhà quán quân

⇒ **Đáp án A (trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2; các từ còn lại là âm tiết thứ nhất)**

Question 4.

-destroy /di'strɔɪ/ (v): phá hủy

-appear /ə'piə/ (v): xuất hiện

-happen /'hæp.ən/ (v): xảy ra

-provide /prə'vaɪd/ (v): cung cấp

⇒ **Đáp án C (trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất; các từ còn lại là thứ 2)**

Question 5.

Cấu trúc: advise sb to do sth: khuyên ai đó làm gì

“Bác sĩ khuyên anh ta thức dậy sớm.”

⇒ **Đáp án: to get up**

Question 6.

Phía cuối có trạng từ *now* nên ta chia động từ *play* ở thì hiện tại tiếp diễn.

Cấu trúc: is/ am / are + V-ing

“Bây giờ học sinh đang chơi bóng ở sân trường.”

⇒ **Đáp án: are playing**

Question 7.

Cấu trúc:

- S + used to + V (bare-inf) ... (khẳng định) => S + didn't use to + V (bare-inf):

đã từng/ đã thường làm gì trong quá khứ

“Cô ấy đã từng không phải làm việc vất vả.”

⇒ **Đáp án: work**

Question 8.

Phía cuối có trạng từ *last week* nên ta chia động từ *visit* ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + V2/ed ...

Fanpage : <https://www.facebook.com/luventhiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

“Tuần trước Mary đã đến thăm Vịnh Hạ Long.”

⇒ **Đáp án: visited**

Question 9.

Phía cuối có trạng từ *yet* nên ta chia động từ *prepare* ở thì hiện tại hoàn thành.

Cấu trúc: have/ has + PP

“Nga chưa chuẩn bị xong bài học.”

⇒ **Đáp án: has not prepared/ hasn't prepared**

Question 10.

Động từ *watch* được chia ở thì quá khứ tiếp diễn vì hành động này đang xảy ra thì có một hành động khác (ring) xen vào ở quá khứ.

Cấu trúc: was/ were + V-ing (thì quá khứ tiếp diễn)

“Anh ta đang xem ti vi thì điện thoại reo.”

⇒ **Đáp án: was watching**

Question 11.

Chủ ngữ là *English* nên ta chia động từ ở dạng bị động và thì được dùng trong câu này là hiện tại đơn.

“Tiếng Anh được nói khắp thế giới.”

⇒ **Đáp án: is spoken**

Question 12.

Động từ ở mệnh đề chính được chia ở thì tương lai đơn nên động từ ở mệnh đề *if/unless* được chia ở thì hiện tại đơn.

Cấu trúc: If/ Unless + S + V(s/es)..., S + will + V(bare –inf)...

“Nếu cô ấy không chăm học thì cô ấy sẽ không thi đỗ.”

⇒ **Đáp án: studies**

Question 13.

Phía sau chỗ trống là một danh từ nên từ cần điền vào là tính từ sở hữu. (tính từ sở hữu+ N)

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

“Chúng tôi là học sinh. Trường chúng tôi ở thị trấn.”

⇒ **Đáp án: Our**

Question 14.

Sau chỗ trống là khoảng thời gian nên từ cần điền vào là giới từ *for*.

for + khoảng thời gian; Since + mốc thời gian

“Anh ấy đã là kĩ sư được 15 năm rồi.”

⇒ **Đáp án: for**

Question 15.

-because of + N: bởi vì

-despite + N: mặc dù

“Hôm qua Nam không đi học vì cậu ấy bị ốm.”

⇒ **Đáp án: because of**

Question 16.

Sau các động từ liên kết (linking verbs) như feel, seem, taste, look,... là một tính từ.

“Hôm nay chúng tôi cảm thấy rất vui”

⇒ **Đáp án: happy**

Question 17.

- economy (n): nền kinh tế

- economic (adj): kinh tế

Từ cần điền vào là một tính từ vì sau đó là danh từ.

“Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam đạt khoảng 8% vào năm 2007.”

⇒ **Đáp án: economic**

Question 18.

Từ cần điền vào là đại từ quan hệ thay thế cho chủ ngữ chỉ vật.

“Quyển sách ở trên bàn là của anh trai tôi.”

⇒ **Đáp án: which**

Question 19.

- on + ngày, tháng, năm

“Hồ Chí Minh sinh vào ngày 19 tháng 5 năm 1890 ở Nghệ An.”

⇒ **Đáp án: on**

Question 20.

- cook (n): đầu bếp, người nấu ăn

-cooker (n): nồi nấu

“Mẹ tôi là đầu bếp giỏi”

⇒ **Đáp án: cook**

Question 21.

“Malaysia is one of the countries of the Association of South-East Asia Nations” (Malaysia là một trong những nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.)

⇒ **Đáp án: countries**

Question 22.

-known as: được biết đến

“It is divided into two regions, known as West Malaysia and East Malaysia” (Nó được tách thành 2 vùng, được biết đến là Tây Malaysia và Đông Malaysia.)

⇒ **Đáp án: known**

Question 23.

-tropical climate: khí hậu nhiệt đới

“Malaysia enjoys tropical climate” (Malaysia thuộc khí hậu nhiệt đới.)

⇒ **Đáp án: tropical**

Question 24.

“The capital of Malaysia is Kuala Lumpur and it is also the largest city of the country.” (Thủ đô của Malaysia là Kuala Lumpur và nó cũng là thành phố lớn nhất của đất nước.)

⇒ **Đáp án: largest**

Question 25.

“The population in 2001 was over 22 million.” (Dân số vào năm 2001 là trên 22 triệu.)

⇒ **Đáp án: population**

Question 26.

“In addition, there are other religions such as Buddhism and Hinduism.” (Thêm vào đó, có những tôn giáo khác như đạo Phật và đạo Hindu.)

⇒ **Đáp án: and**

Question 27.

We should bring a gift, such as a bunch of flowers or a box of chocolates.

Dẫn chứng: “If you are invited to someone’s house for dinner in the United States, you should bring a gift, such as a bunch of flowers or a box of chocolates” (Nếu bạn được mời tối ăn tối ở nhà ai đó ở nước Mỹ thì bạn nên mang theo một món quà như một bó hoa hoặc một hộp sô cô la.)

Question 28.

Yes, it is.

Dẫn chứng: “Opening a present in front of the gift-giver is considered polite.” (Mở quà trước mặt người nhận được xem là lịch sự.)

Question 29.

Because it shows the host is excited about receiving the gift and wants to show his/her appreciation to you immediately.

Dẫn chứng: “It shows the host is excited about receiving the gift and wants to show his/ her appreciation to you immediately” (Nó cho thấy người chủ hào hứng về việc nhận quà và muốn bày tỏ sự biết ơn đối với bạn ngay lập tức)

Question 30.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

He/She should tell a “white-lie” and say how much they like the gift to prevent the guest from feeling bad.

Dẫn chứng: “Even if the host doesn’t like it, he/she will tell a “white-lie” and say how much they like the gift to prevent the guest from feeling bad” (Ngay cả khi người chủ không thích nó thì anh ấy/ cô ấy cũng sẽ nói dối rằng họ rất thích món quà để không làm người khách buồn.)

Question 31.

-who: thay thế cho chủ ngữ chỉ người trong mệnh đề quan hệ.

-whom: thay thế cho tân ngữ chỉ người trong mệnh đề quan hệ.

Trong câu này, ta cần đại từ quan hệ thay thế cho chủ ngữ chỉ người.

“Người phụ nữ mà đã giúp bạn sáng nay là cô giáo tôi.”

⇒ **Đáp án B (whom => who)**

Question 32.

Cấu trúc:

-It + be + adj + (for O) + to V ...

“Thật không dễ dàng với chúng tôi để lấy được vé cho buổi hòa nhạc.”

⇒ **Đáp án C (getting => to get)**

Question 33.

Mr. Ba said that he came from Thanh Hoa.

Cấu trúc: S + said (that) + S + V (lùi thì)...

“Ông Ba nói rằng ông ấy đến từ Thanh Hóa.”

Question 34.

We wish we had a big house.

Cấu trúc:

- S + wish(es) + S + V2/ed ...(mong ước trái với hiện tại)

“Chúng tôi ao ước có một ngôi nhà lớn.”

Question 35.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

It was not warm enough for us to go swimming.

Cấu trúc:

-too + adj + (for O) + to V... (quá ... đến nỗi mà không thể làm gì)

- adj + enough + (for O) + to V ... (đủ ... để làm gì)

“Trời không đủ ấm cho chúng tôi đi bơi.”

Question 36.

Spending a week in the countryside is very wonderful.

Cấu trúc:

-It + be + adj + to V... => V-ing ...+ be + adj

“Dành thời gian một tuần ở miền quê thì rất tuyệt vời.”

Question 37.

Although they have little money, they are very happy.

Cấu trúc:

-In spite of + N/ V-ing: Mặc dù

-Although + mệnh đề: Mặc dù

“Mặc dù có rất ít tiền nhưng họ rất hạnh phúc.”

Question 38.

I drive more carefully than my brother.

Cấu trúc: S + V + more + adj/ adv + than ... (so sánh hơn với tính từ/ trạng từ
dài)

“Tôi lái xe cẩn thận hơn anh tôi.”

Question 39.

Your sister doesn't know how to cook, does she?

Về trước ở thể phủ định thì hiện tại đơn nên phần hỏi đuôi ở thể khẳng định thì hiện tại đơn.

“Chị gái bạn không biết nấu ăn phải không?”

Question 40.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

Everyone was in a good mood because they had finished the course.

“Mọi người có tâm trạng tốt vì họ đã hoàn thành khóa học.”

AMAX